

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THUẬN GIAO PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THUẬN GIAO PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN GIAO PHAT ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THUAN GIAO PHAT ENVIRONMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703080068

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

D7, Ô 29, Đường Số 9, Tổ 13 Khu Dân Cư Thuận Giao, Khu Phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0903597868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết : Lắp đặt , hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác ( Lò sưởi , máy nước nóng năng lượng mặt trời , điều hòa không khí)                | 4322     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô, xe cơ giới                                                                                                                                                        | 4511     |
| 3.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                 | 4541     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                   | 4610     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                              | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đèn và bộ đèn điện - Bán buôn đồ điện gia dụng: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, bếp điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc... | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị viễn thông                                                                                                                                      | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                   | 4659     |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết : bán buôn dầu bảo, mùn cưa, củi vụn (không chứa, phân loại, xử lý tại trụ sở chính)                                                                     | 4661     |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm, inox                                                                                                                                             | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát) - Bán buôn giấy nhám - Bán buôn đồ gỗ chế biến, ván ép các loại                                                                                                                                                                                                                                        | 4663        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính; trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường) - Bán buôn hàng thanh lý công ty - Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế) - Bán buôn phân bón - Bán buôn thiết bị phòng chống côn trùng, sinh vật gây hại | 4669        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820        |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490(Chính) |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710        |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Tiện, phay, bào (không xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại; Chỉ được sản xuất, gia công, bào sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                   | 2592        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 20. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>Chi tiết: Hoạt động xử lý nước thải (hoạt động tại công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3700        |
| 21. | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3811        |
| 22. | Thu gom rác thải độc hại<br>(không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3812        |
| 23. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>Chi tiết : xử lý da phế liệu, vải vụn phế liệu, bông gòn , nút xốp, thải ra từ các ngành sản xuất giày da- ngành sản xuất ghế sofa và may mặc (Chỉ được chứa, phân loại, xử lý sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường )                                                                                           | 3821        |
| 24. | Tái chế phế liệu<br>(chỉ được hoạt động tái chế sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3830        |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102                                                         |
| 27. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Đập phá, tháo dỡ công trình (hoạt động tại công trình)                                                                                                                                                                                                     | 4311                                                         |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Sơn, màu, đồ ngũ kim, véc ni, kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh                                             | 4752                                                         |
| 31. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VŨ NGỌC QUÝ**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **02/09/1979**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **036079009531**

Ngày cấp: **18/06/2020**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **45B2 khu phố 6, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **45B2 khu phố 6, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ NGỌC QUÝ**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **02/09/1979**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **036079009531**

Ngày cấp: **18/06/2020**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **45B2 khu phố 6, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **45B2 khu phố 6, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương